TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1232/2022/QĐST-HNGĐ	*Củ Chi, ngày 15 tháng 8 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các điều 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1013/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1980.

Thường trú: Số 55/76 Tân Thới, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ liên lạc: Số 157/1D, đường số 157, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Lê Cẩm T (Lê Thị Cẩm T), sinh năm 1985.

Thường trú: Số 103/74, ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ liên lạc: Số 9, đường số 29, tổ 14, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét thấy ông Lê Văn Đ và bà Lê Cẩm T (Lê Thị Cẩm T) có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Sơn Định, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 97, quyển số: 01 ngày 05/9/2006. Cả hai bên cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, xét đây là sự tự nguyện của các bên nên chấp nhận.

[2] Ông Lê Văn Đ và bà Lê Cẩm T (Lê Thị Cẩm T) cùng thừa nhận có 01 con chung tên Lê Chí B, sinh ngày 27/4/2006. Ông Đ đồng ý giao con chung tên Lê Chí B, sinh ngày 27/4/2006 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con, xét đây là sự tự nguyện của các bên nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Lê Văn Đ và bà Lê Cẩm T (Lê Thị Cẩm T) tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4] Về nợ chung: Ông Lê Văn Đ và bà Lê Cẩm T (Lê Thị Cẩm T) cùng xác định không có nợ chung nên không xét.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Lê Văn Đ và bà Lê Cẩm T (Lê Thị Cẩm T) thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung:

Bà Lê Cẩm T (Lê Thị Cẩm T) được quyền trực tiếp nuôi 01 con chung tên Lê Chí B, sinh ngày 27/4/2006; bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, việc cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung:

Ông Lê Văn Đ và bà Lê Cẩm T (Lê Thị Cẩm T) tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung:

Ông Lê Văn Đ và bà Lê Cẩm T (Lê Thị Cẩm T) xác định không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do ông Lê Văn Đ và bà Lê Cẩm T (Lê Thị Cẩm T) mỗi người chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0044971 ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh; các bên đã nộp đủ tiền lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- UBND xã Sơn Định, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Thanh Hương